*Ngày dạy: 18/10/2023*

**Tiếng Việt**

**- 78+79 -**

**Bài 36: am, ap**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

**1. Phát triển năng lực đặc thù - năng lực ngôn ngữ**

- Nhận biết các vần **am, ap;** đánh vần, đọc đúng tiếng có các vần **am, ap** với mô hình “âm đầu + âm chính + âm cuối”, “âm đầu + âm chính + âm cuối + thanh”.

- Nhìn chữ dưới hình, tìm và đọc đúng tiếng có vần **am,** vần **ap.**

- Đọc đúng, hiếu bài Tập đọc *Bờ Hồ*.

- Viết đúng trên bảng con các vần: **am, ap,** các tiếng (quả) **cam,** (xe) **đạp.**

**2. Góp phần pháp triển các năng lực chung và phẩm chất**

- Khơi gợi tình yêu thiên nhiên

- Khơi gọi óc tìm tòi, vận dụng những điều đã học và thực tế

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:**

- Máy tính, tivi

- Bộ đồ dùng TV

- Quả cam

- Bảng con, phấn

- Vở Bài tập Tiếng Việt .

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU:**

**Tiết 1**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV** | **Hoạt động của HS** |
| **\* Ổn định tổ chức** (1’)  **I. Hoạt động mở đầu:** (5’)  - GV gọi HS đọc bài Tập đọc *Chia qụà* (bài 35);  - GV mời HS nói những chữ hoa đứng đầu bài, đầu câu, những chữ hoa ghi tên riêng.  - GV gọi HS nhận xét  - GV nhận xét  **II. Hoạt động hình thành kiến thức mới**  **1. Giới thiệu bài** (5’)  - GV: Các em đã học hết các chữ ghi âm tiếng Việt. Từ bài hôm nay, các em sẽ học các vần tiếng Việt. Hai vần đầu tiên các em sẽ học là vần **am,** vần **ap.**  **2. Chia sẻ và khám phá (BT 1, 2)**  **2.1.** Dạy vần **am** (5’)  a. Chia sẻ: GV chỉ từng chữ **a, m** (đã học).    b. Khám phá:  - GV giới thiệu hình ảnh quả cam, hỏi:? Đây là quả gì?  ? Trong từ *quả cam,* tiếng nào có vần **am?**  - GV phân tích: tiếng **cam** có âm **c** đứng trước, vần **am** đứng sau.  - GV hướng dẫn HS đánh vần và đọc trơn:  + GV giới thiệu mô hình vần **am.**    + GV giới thiệu mô hình tiếng **cam.**  **2.2.** Dạy vần **ap** (5’)  a. Chia sẻ: GV chỉ từng chữ **a, p** (đã học).  b. Khám phá:  - GV giới thiệu hình ảnh xe đạp, hỏi:? Đây là cái gì?  ? Trong từ *xe đạp,* tiếng nào có vần **ap?**  - GV phân tích: vần **ap** gồm có 2 âm: âm **a** đứng trước, âm **p** đứng sau.  - GV yêu cầu HS đánh vần, đọc trơn  ? Hãy so sánh vần **am** và **ap** giống nhau và khác nhau ở điểm nào?  ? Các em vừa học 2 vần mới là vần gì?  ? Các em vừa học 2 tiếng mới là tiếng gì?  - GV chỉ mô hình từng vần, tiếng, cả lớp đánh vần, đọc trơn.  **3. Luyện tập**  **3.1. Mở rộng vốn từ** (5’) (BT 3: Tiếng nào có vần **am?** Tiếng nào có vần **ap?)**  a. Xác định yêu cầu:  - GV đưa lên bảng 6 hình minh hoạ + nêu YC của BT.  b. Đọc tên sự vật:  - GV chỉ từng từ theo số TT.  - GV giải nghĩa từ: *Tháp Rùa* (tháp nằm giữa Hồ Gươm); *quả trám* (loại quả dùng làm thức ăn, rất bùi và ngon); *sáp nẻ* (sáp dùng để bôi lên da mặt, lên môi nhằm chống nứt nẻ).  c. Tìm tiếng có vần **am,** vần **ap:**  **-** GV yêu cầuHS làm bài theo cặp đôi trong VBT, tìm nhanh tiếng có vần **am,** vần **ap.**  **-** GV nhắc: 2 HS cùng làm việc sẽ cùng báo cáo kết quả.  d. Báo cáo kết quả  - GV mời cặp báo cáo    - GV chỉ từng từ.  **3.2. Tập viết** (15’) **(BT5 - Bảng con)**  a. Đọc  - GV yêu cầu HS đọc các chữ, tiếng vừa học được viết trên bảng lớp.  b. GV vừa viết chữ mẫu trên bảng lớp vừa hướng dẫn  - Vần **am:** viết **a** trước, **m** sau; chú ý nối nét giữa **a** và **m.**  - Vần **ap:** viết **a** trước, **p** sau; chú ý nối nét giữa **a** và **p.**  **- quả cam:** viết tiếng **quả** trước, tiếng **cam** sau. Trong tiếng **cam:** viết **c** trước, **am** sau. (Có thể chỉ yêu cầu HS viết tiếng **cam).**  **- xe đạp:** viết **xe** trước **(x** nối sang **e), đạp** sau (viết **đ** gần vần **ap,** dấu nặng đặt dưới **a).**  c. GV yêu cầu HS viết trên bảng con: **am, ap** (2 lần). / Viết: (quả) **cam,** (xe) **đạp.**  - GV nhận xét  **\* Củng cố, dặn dò** (2’)  - Nhận xét, đánh giá tiết học  - Ôn, đọc lại các vần, chữ **am, ap**  - Tìm xung quanh nơi em sống các sự vật, con vật có vần **am, ap**  - Luyện biết thêm các vần, các tiếng vừa học. | - 2HS đọc  - 1HS trả lời  - HS nhận xét  - HS quan sát và lắng nghe  - 1 HS đọc: **a - mờ - am.** Cả lớp: **am**  - HS trả lời: Quả cam  - HS trả lời: Tiếng **cam**  **-** HSnghe  - HS (cá nhân, tổ, cả lớp): **a - m - am / am**  **-** HS (cá nhân, tổ, cả lớp): cờ - am - cam / cam.  - 1 HS đọc: **a - pờ - ap.** Cả lớp: **ap**  - HS trả lời: Cái xe đạp  - HS trả lời: Tiếng **đạp**  **-** HSnghe  - HS (cá nhân, tổ, cả lớp): **a - pờ - ap / ap;** đờ - ap - đap - nặng - đạp / đạp.  **-** HSso sánh: vần **am** giống vần **ap:** đều bắt đầu bằng âm **a. vần am** khác vần **ap:** vần **am** có âm cuối là **m,** vần **ap** có âm cuối là **p.**  - HS: Vần **am,** vần **ap**  - HS: Tiếng **cam,** tiếng **đạp**  - Cả lớp đọc  - HS quan sát, nghe  - Cả lớp đọc tên từng sự vật, hành động: *khảm, Tháp Rùa, quả trám,...*  - HS nghe  - HS làm bài  - HS nói kết quả: HS 1 chỉ bảng, nói tiếng có vần am. HS 2 nói tiếng có vần **ap.**  **-** Cả lớp: Tiếng **khảm** có vần **am.** Tiếng **tháp** (Rùa) có vần **ap...**  - HS đọc  - HS quan sát, lắng nghe  - HS viết bảng con  - HS nhận xét |

**Tiết 2**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV** | **Hoạt động của HS** |
| **\* Ổn định tổ chức** (1’)  **3. Hoạt động luyện tập**  **3.3. Tập đọc (32’)** (BT 4)  a. GV gắn /chiếu lên bảng hình minh hoạ bài *Bờ Hồ*  - GV giới thiệu: Đây là tranh vẽ hồ Hoàn Kiếm. Hồ Hoàn Kiếm còn gọi là Hồ Gươm. Hồ nằm giữa thủ đô Hà Nội. Giữa hồ có Tháp Rùa cổ kính.  b. GV đọc mẫu  c. GV yêu cầu HS gạch chân các từ sau: **Giáp, bé Lam, Tháp Rùa** và luyện đọc.  d. Luyện đọc câu  ? Bài đọc có mấy mấy câu?  - GV chỉ từng câu cho cả lớp đọc thầm rồi đọc thành tiếng.  - GV yêu cầu HS đọc tiếp nối từng  ? Tìm tiếng có vần am, ap trong bài tập đọc?  e. GV tổ chức thi đọc tiếp nối (mỗi cặp, tổ đọc 2 câu).  g. Tìm hiểu bài đọc  - GV nêu yêu cầu: (Nói tiếp để hoàn thành câu)  - GV làm mẫu (đọc câu chưa hoàn thành)  - GV yêu cầu HS làm theo cặp  ? Qua bài đọc em hiểu điều gì?  - GV yêu cầu cả lớp đọc lại 2 trang nội dung bài 36  **4. Củng cố, dặn dò** (2’)  - GV nhận xét, đánh giá tiết học, khen ngợi, biểu dương HS.  - Dặn HS về nhà đọc lại cho người thân nghe; xem trước bài 37 *(ăm, ăp).* | - HS quan sát  - HS lắng nghe  - HS nghe  - HS quan sát, nghe và đọc  - HS trả lời: 4 câu  - Cả lớp đọc thầm rồi đọc thành tiếng (1 HS, cả lớp).  - HS đọc câu (cá nhân, từng cặp).  - HS nêu  - HS đọc  - 1 HS đọc cả bài  - Cả lớp đọc đồng thanh  - HS trả lời: Con ve  - HS đọc: … ra Bờ Hồ  … Tháp Rùa ở giữa hồ  - HS làm theo cặp  - HS nêu  - Cả lớp đọc |

***Điều chỉnh sau bài dạy:***

….…………………………………………………………………………………

….…………………………………………………………………………………